

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **69/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 17 tháng 02 năm 2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ TRÍ VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Hoa.

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Ngọc H**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp M, xã M1, thành phố M2, tỉnh T.

2/ Bị đơn: Anh **Trần Thanh Vân**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ1, huyện C, tỉnh T.

(Vắng mặt chị H, anh V)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 25/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Võ Thị Ngọc H trình bày: Chị và anh Trần Thanh V chung sống với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ2, huyện C, tỉnh T vào ngày 10/01/2003. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Vân.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 01/01/2003, đã thành niên, có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Thanh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh V nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng:

Ngày 20/01/2022, nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc H có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Trần Thanh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vắng mặt mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Ngọc H và anh Trần Thanh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của chị H và anh V là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Xét thấy từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập anh V đến Tòa án nhưng anh vắng mặt không có lý do và không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng nên anh đã mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Đời sống vợ chồng giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cả hai không còn yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ cuối năm 2003 cho đến nay nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Chị H và anh V có 01 con chung là Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 01/01/2003, đã thành niên, có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Ngọc H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Ngọc H được ly hôn với anh Trần Thanh V;

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 01/01/2003, đã thành niên, có khả năng lao động.

2. Về án phí: Chị Võ Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005144 ngày 16/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND h. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS h. Chợ Gạo;
- UBND xã Đ1, huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Huyền Ni